UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:2387 /QĐ-SGDĐT

Phú Yên, ngày 05 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thi, cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản khóa 07 thi ngày 03/11/2024 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Yên

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 17/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin;

Xét Tờ trình số 29/TTr-TTGDTX ngày 04/11/2024 của Trung tâm GDTX tỉnh Phú Yên về việc đề nghị phê duyệt kết quả thi cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản khóa 07/2024 thi ngày 03/11/2024 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi, cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, khóa 07/2024 thi ngày 03/11/2024, tại Hội đồng thi Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Yên cho 126 thí sinh *(có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Giao Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Yên chịu trách nhiệm hoàn thành các thủ tục để cấp chứng chỉ cho thí sinh đúng theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Chánh Thanh tra, Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Yên; các tổ chức, cá nhân có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLCL

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH PHÚ YÊN

Trần Khắc Lễ

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN, KHÓA 07/2024 – THI NGÀY 03/11/2024

(Kèm theo Quyết định số: 2387 /QĐ-SGDĐT, ngày 05 tháng 11 năm 2024)

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nam/nữ	Nơi sinh	Điểm thi		
						LT	TH	TB
1	ĐÀO KIM HOÀNG	ANH	10/09/2000	Nữ	Phú Yên	9.5	7.0	8.3
2	HUỲNH THẾ	ANH	01/10/1994	Nam	Phú Yên	10	8.5	9.3
3	ĐẶNG THỊ QUỲNH	ÁNH	27/03/2005	Nữ	Phú Yên	7.0	8.0	7.5
4	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	19/11/2002	Nữ	Phú Yên	10	8.0	9.0
5	NGUYỄN THỊ HOÀI	BẢO	24/06/1998	Nữ	Phú Yên	7.0	8.5	7.8
6	VÕ THỊ NHƯ	BÌNH	02/03/2005	Nữ	Phú Yên	8.0	8.0	8.0
7	TRẦN THỊ LAN	CHI	06/09/2003	Nữ	Khánh Hòa	9.5	6.5	8.0
8	KRENG HỜ	CÓC	07/11/1997	Nữ	Phú Yên	7.5	6.0	6.8
9	KSƠR HỜ	DÂN	20/03/2002	Nữ	Phú Yên	7.5	9.0	8.3
10	VÕ THỊ KIỀU	DIỄM	12/11/2002	Nữ	Phú Yên	8.0	8.0	8.0
11	HÀ THÚY	DIỄM	22/12/2003	Nữ	Phú Yên	8.5	7.0	7.8
12	TRẦN THỊ THU	DIỄM	10/04/2005	Nữ	Phú Yên	9.0	7.0	8.0
13	VÕ THỊ MỸ	DIỆU	02/11/2003	Nữ	Phú Yên	9.0	9.0	9.0
14	KSƠR HƠ	DOAN	09/07/1999	Nữ	Phú Yên	9.5	6.5	8.0
15	NGUYỄN THÙY	DUNG	01/11/2003	Nữ	Bình Định	7.0	5.0	6.0
16	NGUYỄN KHẮC	DUY	14/04/1993	Nam	Phú Yên	9.0	5.5	7.3
17	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	04/09/2005	Nữ	Phú Yên	10	6.0	8.0
18	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	10/01/2003	Nữ	Phú Yên	9.0	5.5	7.3
19	LÊ HẠ	ĐOAN	10/10/2003	Nữ	Quảng Nam	7.0	9.5	8.3
20	LƯƠNG THỊ THU	HÀ	08/06/2003	Nữ	Phú Yên	8.0	5.5	6.8
21	VÕ THỊ BÍCH	HẠNH	10/09/2003	Nữ	Phú Yên	9.5	7.0	8.3

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nam/nữ	Nơi sinh	Điểm thi		
						LT	TH	TB
22	TRỊNH MỸ	HẠNH	18/11/2003	Nữ	Điện Biên	8.5	7.0	7.8
23	NÔNG THỊ BÍCH	HẬU	31/05/1994	Nữ	Phú Yên	9.0	6.0	7.5
24	LƯƠNG THỤC	HIỀN	21/07/2001	Nữ	Phú Yên	10	9.5	9.8
25	VŨ NGUYỄN DỊU	HIỀN	03/10/2003	Nữ	Gia Lai	9.5	9.5	9.5
26	VÕ THÀNH	HOAN	01/01/1992	Nam	Phú Yên	9.5	8.5	9.0
27	LÊ UYÊN	HỒNG	04/03/2003	Nữ	Phú Yên	8.5	6.0	7.3
28	TRẦN THỊ	HỒNG	29/11/1993	Nữ	Nghệ An	10	8.0	9.0
29	NGUYỄN THỊ	HỢP	26/09/1999	Nữ	Phú Yên	9.0	5.5	7.3
30	HUỲNH	HƯNG	14/07/1981	Nam	Phú Yên	8.5	5.5	7.0
31	NGUYỄN QUỐC	HUY	27/12/1997	Nam	Phú Yên	8.0	6.0	7.0
32	NGUYỄN TRỌNG	KIÊN	15/04/1979	Nam	Phú Yên	9.0	5.0	7.0
33	HỒ THỊ TRÚC	LAM	10/12/2003	Nữ	Phú Yên	9.5	5.0	7.3
34	MAI THỊ THANH	LAM	17/08/2001	Nữ	Phú Yên	6.0	5.0	5.5
35	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LINH	25/07/2005	Nữ	Phú Yên	8.5	5.0	6.8
36	NAY HỜ	LON	23/08/2004	Nữ	Phú Yên	9.5	5.5	7.5
37	BÙI THỊ MỸ	LUYẾN	16/03/2003	Nữ	Phú Yên	9.5	5.0	7.3
38	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	05/11/2003	Nữ	Kon Tum	9.0	5.5	7.3
39	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	30/05/2003	Nữ	Phú Yên	5.0	5.0	5.0
40	NGUYỄN THỊ QUỲNH	MY	21/07/2003	Nữ	Khánh Hòa	9.5	5.5	7.5
41	NGÔ THỊ KIM	MY	18/03/2001	Nữ	Phú Yên	9.0	8.5	8.8
42	TRẦN NGỌC HUỲNH	MY	30/04/2003	Nữ	Phú Yên	8.0	5.0	6.5
43	NGUYỄN TRÚC	MY	18/10/2003	Nữ	Phú Yên	6.5	5.0	5.8
44	NGUYỄN HOÀN	MỸ	19/06/2000	Nữ	Phú Yên	9.0	5.5	7.3

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nam/nữ	Nơi sinh	Điểm thi		
						LT	TH	TB
45	ĐOÀN LÊ	NA	01/07/2003	Nữ	Phú Yên	8.5	5.0	6.8
46	LÊ THỊ THANH	NGÂN	05/11/2003	Nữ	Đắk Lắk	8.0	5.5	6.8
47	TRẦN THU	NGÂN	17/09/2003	Nữ	Phú Yên	7.5	8.0	7.8
48	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	06/02/2003	Nữ	Bình Định	9.5	8.5	9.0
49	LÊ HẠNH	NGUYÊN	13/07/2005	Nữ	Phú Yên	9.5	5.0	7.3
50	TRẦN THỊ	NHÃ	18/11/2002	Nữ	Phú Yên	10	5.0	7.5
51	BÙI THỊ THANH	NHÀN	01/11/2004	Nữ	Phú Yên	9.0	5.0	7.0
52	NGUYỄN HỒ	NHẠN	15/10/2003	Nữ	Bình Định	9.5	7.5	8.5
53	LÊ BÌNH	NHI	28/06/2005	Nữ	Phú Yên	10	8.5	9.3
54	BÙI THỊ LINH	NHI	02/07/2003	Nữ	Phú Yên	9.5	6.5	8.0
55	CHÂU NGUYỄN HÀN NHẬT	NY	28/11/2005	Nữ	Phú Yên	9.5	5.0	7.3
56	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	OANH	14/09/2003	Nữ	Phú Yên	9.0	7.5	8.3
57	TRẦN THỊ KIM	OANH	05/10/2003	Nữ	Phú Yên	7.5	5.0	6.3
58	NGUYỄN HOÀNG	PHỐ	02/10/2002	Nữ	Phú Yên	9.5	5.0	7.3
59	VƯƠNG THIÊN	PHÚ	13/08/2005	Nam	Bình Định	8.5	9.0	8.8
60	NGUYỄN DUY	PHƯỚC	04/12/2001	Nam	Phú Yên	9.5	8.5	9.0
61	NGUYỄN THỊ BÌNH	PHƯƠNG	03/07/1997	Nữ	Phú Yên	8.0	7.0	7.5
62	KIỀU THỊ KIM	PHƯỢNG	22/06/1990	Nữ	Gia Lai	6.0	5.0	5.5
63	LÊ NHỰT	QUANG	09/01/2005	Nam	Phú Yên	10	6.0	8.0
64	LÊ THỊ KIM	QUY	06/12/2000	Nữ	Phú Yên	10	5.0	7.5
65	VŨ THỊ	QUÝ	25/11/1977	Nữ	Thái Bình	5.0	5.5	5.3
66	VÕ DIỄM	QUYÊN	21/11/2004	Nữ	Phú Yên	7.5	5.0	6.3
67	NGUYỄN CÔNG	QUYẾT	31/01/1978	Nam	Thái Bình	8.5	9.0	8.8

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nam/nữ	Nơi sinh	Điểm thi		
						LT	TH	TB
68	CAO THỊ NHƯ	QUỲNH	27/01/2004	Nữ	Phú Yên	9.5	6.0	7.8
69	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	18/09/2003	Nữ	Phú Yên	9.0	7.0	8.0
70	NGUYỄN HÙNG	SƠN	11/05/1996	Nam	Phú Yên	8.0	9.0	8.5
71	MÔNG THỊ XUÂN	THANH	05/12/2001	Nữ	Phú Yên	7.5	6.5	7.0
72	HUỲNH THỊ NHƯ	THANH	08/03/1985	Nữ	Phú Yên	6.0	7.0	6.5
73	ĐỒNG PHƯỚC	THÀNH	02/10/2004	Nam	Phú Yên	5.0	6.5	5.8
74	TRƯƠNG TRẦN THỊ THU	THẢO	03/04/2000	Nữ	Phú Yên	6.5	7.0	6.8
75	NGUYỄN NGỌC HIẾU	THẢO	18/05/2003	Nữ	Lâm Đồng	9.0	10	9.5
76	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	20/08/1990	Nữ	Phú Yên	7.5	6.0	6.8
77	ĐẶNG HUỲNH KIM	THẢO	05/09/2001	Nữ	Phú Yên	9.5	10	9.8
78	ĐỖ THỊ THANH	THƠ	17/02/2003	Nữ	Phú Yên	5.0	7.5	6.3
79	ĐẶNG THỊ MỸ	THOA	08/02/1992	Nữ	Phú Yên	8.0	9.0	8.5
80	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	07/12/2005	Nữ	Phú Yên	9.5	7.0	8.3
81	THÁI HOÀNG MINH	THƯ	30/12/2003	Nữ	Bình Định	10	10	10
82	LÊ MINH	TÍNH	04/07/1987	Nam	Phú Yên	6.0	9.5	7.8
83	NGUYỄN NHẤT	TOÀN	21/09/1984	Nam	Phú Yên	5.0	6.0	5.5
84	HUỲNH HƯƠNG	TRÀ	16/05/2003	Nữ	Bình Định	5.0	9.0	7.0
85	LƯƠNG THỊ NGỌC	TRÂM	30/03/2003	Nữ	Phú Yên	9.5	9.0	9.3
86	NGUYỄN NGỌC THÙY	TRÂM	08/08/2005	Nữ	Bình Định	8.5	8.0	8.3
87	NGUYỄN HOÀI	TRÂM	09/07/2003	Nữ	Phú Yên	10	5.0	7.5
88	NGUYỄN HUỲNH BẢO	TRÂN	14/12/2003	Nữ	Kon Tum	10	6.0	8.0
89	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	05/09/1995	Nữ	Phú Yên	9.5	9.0	9.3
90	BÙI NGUYỄN NGỌC	TRINH	02/01/2003	Nữ	Phú Yên	9.5	5.0	7.3

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nam/nữ	Nơi sinh	Điểm thi		
						LT	TH	TB
91	NGUYỄN THỊ TÚ	TRINH	26/04/2005	Nữ	Phú Yên	9.5	5.0	7.3
92	TRẦN THỊ TUYẾT	TRINH	19/08/2005	Nữ	Phú Yên	8.0	6.0	7.0
93	DƯƠNG THỊ THU	TRÚC	01/03/1991	Nữ	Phú Yên	7.5	6.0	6.8
94	HÀ THỊ THANH	TRÚC	08/04/2002	Nữ	Phú Yên	9.5	7.0	8.3
95	TÔN CẨM	TÚ	09/03/2000	Nữ	Phú Yên	10	6.0	8.0
96	PHẠM MINH	TÚ	11/04/2000	Nữ	Phú Yên	10	8.0	9.0
97	LÊ THỊ BÍCH	TUYỀN	01/02/2001	Nữ	Phú Yên	10	8.0	9.0
98	TRẦN PHẠM THANH	VÂN	27/06/2003	Nữ	Phú Yên	10	8.5	9.3
99	TRƯƠNG SANG THÚY	VÂN	05/04/1999	Nữ	Phú Yên	9.5	5.0	7.3
100	ĐÀO ĐOÀN	VIỆT	06/07/1992	Nam	Hưng Yên	10	7.5	8.8
101	KSOR TIỂU	VƯƠNG	05/08/2002	Nữ	Phú Yên	8.0	5.0	6.5
102	NGUYỄN THỊ CẨM	VY	04/04/2003	Nữ	Phú Yên	9.0	5.0	7.0
103	NGUYỄN THỊ MỘNG	VY	20/09/1998	Nữ	Phú Yên	8.5	5.5	7.0
104	ĐỖ NGÔ THANH	XINH	20/12/2000	Nữ	Phú Yên	8.0	5.0	6.5
105	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	21/03/1988	Nữ	Phú Thọ	6.5	5.0	5.8
106	TRẦN THỊ MỸ	YÊN	13/08/1993	Nữ	Phú Yên	9.5	7.0	8.3
107	NGUYỄN THỊ HỒNG	YẾN	10/08/1991	Nữ	Phú Yên	7.5	6.0	6.8
108	VÕ THẾ	AN	28/09/2008	Nam	Phú Yên	5.0	5.0	5.0
109	VÕ HOÀNG	ANH	28/07/2007	Nam	Phú Yên	7.0	7.0	7.0
110	NGUYỄN NGỌC	HÀ	21/06/2006	Nam	Phú Yên	5.0	5.0	5.0
111	ĐỖ MẠNH QUỐC	HOÀI	09/10/2007	Nam	Phú Yên	5.0	5.0	5.0
112	HUỲNH KHẢI	HOÀN	01/01/2007	Nam	Phú Yên	5.0	5.5	5.3
113	PHẠM THỊ THANH	NHÀN	28/03/2007	Nữ	Phú Yên	9.0	5.0	7.0

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nam/nữ	Nơi sinh	Điểm thi		
						LT	TH	TB
114	LƯƠNG VĂN	PHÁP	16/01/2008	Nam	Phú Yên	7.0	5.0	6.0
115	LÊ NGUYỄN THIÊN	PHI	30/10/2007	Nam	Phú Yên	5.0	5.5	5.3
116	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	12/04/2001	Nữ	Phú Yên	5.0	6.5	5.8
117	HUỲNH DUY	TÂN	18/05/2006	Nam	Gia Lai	7.0	5.5	6.3
118	HUỲNH CƯƠNG	THÀNH	24/08/2007	Nam	Phú Yên	5.5	5.0	5.3
119	NGUYỄN QUỐC	THÀNH	12/08/2007	Nam	Phú Yên	7.0	5.0	6.0
120	ĐỖ THỊ THANH	THANH	26/09/1992	Nữ	TP.HCM	9.5	8.0	8.8
121	ĐẬU THỊ BÍCH	THIỆN	29/09/2007	Nữ	Nghệ An	5.5	5.0	5.3
122	HÀ QUỐC	THỌ	18/03/2003	Nam	Phú Yên	6.0	6.5	6.3
123	VÕ THỊ MAI	TRÂM	13/02/2007	Nữ	Phú Yên	5.5	5.5	5.5
124	NGUYỄN THANH	TRÚC	31/07/2007	Nữ	Phú Yên	6.0	5.0	5.5
125	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	25/10/2007	Nam	Phú Yên	7.0	5.5	6.3
126	TRẦN THỊ	TRÚC	11/01/1996	Nữ	Phú Yên	5.0	6.0	5.5

Danh sách này có 126 thí sinh có kết quả đủ điều kiện cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản./.